

TƯ TƯỞNG KHÔNG LIÊN KẾT Ở ẤN ĐỘ

TỪ JAWAHARLAL NEHRU ĐẾN INDIRA GANDHI

NGÔ MINH OANH*

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai, thế giới hình thành trật tự hai cực và sự đối đầu căng thẳng giữa hai cực đó đã làm cho tình hình thế giới ngày càng bất ổn, nguy cơ hoà bình bị đe dọa. Hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ngày càng lớn mạnh bao nhiêu, thì các nước đế quốc càng gia tăng các hoạt động phá hoại phong trào cách mạng thế giới bấy nhiêu. Trong bối cảnh đó, từ cuối những năm 40 của thế kỉ XX, một xu thế tập hợp và đoàn kết nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ Latinh chống chủ nghĩa thực dân đã được hình thành và phát triển dẫn đến sự ra đời của Phong trào Không liên kết vào đầu những năm 60.

Phong trào Không liên kết kể từ khi ra đời cho đến nay đã luôn khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của mình trong việc tham gia giải quyết những vấn đề nóng bỏng của thế giới. Phong trào đã góp phần không nhỏ vào công cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình và an ninh thế giới, chống chủ nghĩa thực dân, ủng hộ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc và đấu tranh cho một trật tự thế giới công bằng và dân chủ.

Là thành viên sáng lập, Ấn Độ đã có đóng góp to lớn cho việc ra đời và phát triển của Phong trào này. Sự đóng góp to lớn đó

gắn liền với tên tuổi của Jawaharlal Nehru và người kế tục của ông, Indira Gandhi. Tư tưởng Không liên kết từ Jawaharlal Nehru đến Indira Gandhi là một quá trình phát triển từ những ý tưởng đến sự hoàn thiện tư tưởng, và từ tư tưởng đến hiện thực thông qua những nỗ lực hoạt động thực tiễn to lớn của J. Nehru và sau đó là I. Gandhi.

Tư tưởng Không liên kết của J. Nehru là một phần của chính sách đối ngoại của Ấn Độ, nó là sản phẩm của truyền thống dân tộc, của hoàn cảnh lịch sử trên thế giới và tình hình trong nước.

Là một dân tộc đã từng bị các nước đế quốc xâm xé và chịu sự thống trị của thực dân Anh suốt hàng trăm năm, hơn ai hết Ấn Độ rất thấm thía cái giá phải trả cho hoà bình và độc lập dân tộc. Lịch sử lâu đời của Ấn Độ, nhất là lịch sử cuộc đấu tranh chống thực dân Anh giành độc lập đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành đường lối đối ngoại. Như cựu Thủ tướng của Ấn Độ, Gujral đã nói: "Một quốc gia là sản phẩm của chính dòng lịch sử và kinh nghiệm trải qua của quốc gia đó. Phương cách hành xử của quốc gia được đúc khêuí bằng cách nó ra đời. Một dân tộc với dòng lịch sử và nền văn hoá 5.000 năm không

*TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

thể bỗng chốc hiện thân chính mình như một tiếng vang mềm dẻo những kỳ vọng của một ai đó khác. Nền tự do của chúng tôi đó là kết quả của một trong những cuộc đấu tranh với tầm nhìn và mang tính đạo đức thâm sâu nhất mà lịch sử đã chứng kiến và những nguyên tắc của chính sách đối ngoại của chúng tôi không thể nào khác hơn là được đúc khuôn bằng kinh nghiệm này" (1). Quá trình phát triển của đường lối đối ngoại nói chung và tư tưởng Không liên kết nói riêng ở Ấn Độ đã chứng tỏ điều đó.

J. Nehru là kiến trúc sư vĩ đại trong việc hoạch định đường lối đối ngoại của Ấn Độ nói chung và đường lối Không liên kết nói riêng. Tư tưởng Không liên kết của J. Nehru là một quá trình phát triển. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng đó trải qua các giai đoạn: từ năm 1926 đến Hội nghị về quan hệ các nước châu Á lần thứ nhất (3-1947); từ tháng 3 năm 1947 đến năm 1961 và từ năm 1961 đến năm 1984.

Giai đoạn từ 1926 đến 3-1947. Đây là giai đoạn hình thành tư tưởng Không liên kết của J. Nehru được hình thành cùng với quá trình hoạt động thực tiễn trong Đảng Quốc đại. Trong bối cảnh Ấn Độ chưa được giao quyền tự trị, chính quyền đang nằm trong tay thực dân Anh, chính vì thế mối quan tâm hàng đầu của J. Nehru tập trung vào đường lối giành độc lập dân tộc, giải quyết mối quan hệ với thực dân Anh, bước đầu hình thành chính sách đối ngoại cũng như tư tưởng Không liên kết.

Suốt một thời gian dài kể từ ngày thành lập, Đảng Quốc đại chưa quan tâm đến vấn đề xác định đường lối đối ngoại trong mối quan hệ với các nước. Gia nhập Đảng Quốc đại từ năm 1916, với năng lực và nhiệt

huyết của mình, dần dần J. Nehru đã được M. Gandhi và Đảng Quốc đại tín nhiệm, đây là điều kiện thuận lợi để J. Nehru đóng góp vào việc vạch ra đường lối của Đảng.

Tham dự Hội nghị các dân tộc bị áp bức (Congress of oppressed Nationalities) được tổ chức tại Brussels (Bỉ, 1926), trong bài phát biểu của mình, J. Nehru đã lên án mạnh mẽ chính sách thực dân của Anh, đề cao sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ cũng như nhân dân các nước. Tại Đại hội của Đảng Quốc đại ở Madras (tháng 12-1927) J. Nehru đã đề nghị lấy khẩu hiệu "Độc lập hoàn toàn" (Purna Swaraj) làm mục tiêu chính của phong trào dân tộc và được đại hội chấp nhận. Nghị quyết do Đảng Quốc đại thông qua được xem là văn kiện về chính sách đối ngoại đầu tiên của Ấn Độ. Văn kiện đã xác định: Ấn Độ không được tham gia vào cuộc chiến tranh đế quốc hoặc bất kỳ một cuộc chiến tranh nào khác. Việc J. Nehru được bầu làm Chủ tịch Đảng tại Đại hội hội Lahor (12-1929), càng giúp ông có điều kiện hơn trong việc hoàn thiện tư tưởng không liên kết của mình.

Tháng 2-1928, chính phủ Anh đã cử phái đoàn do Simon cầm đầu đến Ấn Độ để nghiên cứu chuẩn bị một quy chế cho nước này. Tháng 7-1928, Bản Dự thảo Hiến pháp đã được ban hành. Dự thảo Hiến pháp quy định chế độ tự trị (dominion) cho Ấn Độ có lưu ý đến quyền lợi các lãnh vương nhưng không quan tâm gì những yêu cầu thiết thân của nhân dân lao động. Tính ôn hòa thái quá của Bản dự thảo Hiến pháp đã bị phê phán gay gắt. J. Nehru đã tỏ rõ lập trường của mình: "Quy chế tự trị - ngay cả khi rất gần với độc lập - có vẻ là một sự hạn chế vô lí và cản trở sự phát triển đầy đủ. Tư tưởng đảng sau quy chế tự trị - về một mẫu quốc có quan hệ chặt chẽ

với các quốc gia “con”, tất cả đều có một nền văn hóa chung - hình như hoàn toàn không thể áp dụng được với Ấn Độ” (2).

Ông có cảm giác như Ấn Độ đã “cạn kiệt khả năng học hỏi được gì thêm ở Anh”, do đó phải “phá bỏ cái dây trói không lành mạnh” để nghĩ tới những mối quan hệ chặt chẽ, có lợi, bình đẳng không chỉ với các nước láng giềng, mà cả với nước Mĩ xa xôi. Ông có bước đột phá với cách nghĩ truyền thống ở Ấn Độ về độc lập: “Khi nói về độc lập của Ấn Độ chúng ta không nói theo nghĩa cô lập. Chúng ta hiểu, có lẽ còn hơn nhiều nước khác, rằng các kiểu độc lập dân tộc hoàn toàn trước đây đã hết thời rồi và cần phải có một kỉ nguyên mới ở trên thế giới. Do đó chúng ta luôn nói rõ rằng chúng ta sẵn sàng vui lòng hạn chế sự độc lập đó, cùng với các quốc gia khác, trong một khuôn khổ quốc tế nào đó. Khuôn khổ này nên bao gồm cả thế giới hoặc một bộ phận càng lớn càng tốt” (3).

Cho đến trước Hội nghị về quan hệ các nước châu Á lần thứ nhất (3-1947), tư tưởng Không liên kết của J. Nehru đã hình thành với những nội dung cơ bản, đó là *bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, từ chối không tham gia các khối quân sự*. Tất cả những nội dung đó được tập trung và khái quát thành đường lối “trung lập tích cực” sau đó phát triển và hoàn thiện thành tư tưởng Không liên kết.

Giai đoạn từ tháng 3-1947 đến tháng 9-1961 - từ Hội nghị về quan hệ các nước châu Á lần thứ nhất (3-1947) đến Hội nghị cấp cao các nước không liên kết tại Belgrade (9-1961) - mốc đánh dấu Phong trào Không liên kết chính thức ra đời. Đây là thời kỳ mà J. Nehru từ một lý thuyết gia về tư tưởng Không liên kết trở thành nhà

hoạt động thực tiễn để vừa hoàn thiện tư tưởng của mình vừa biến tư tưởng đó thành hiện thực.

Trong giai đoạn này, tình hình quốc tế đã có những biến chuyển. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao bước đầu làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào của các lực lượng dân chủ cũng lớn mạnh, cùng với sự kiện một loạt nước ở châu Âu và châu Á sau khi giành được độc lập đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa có tác động không nhỏ đến hoạt động thực tiễn và hoàn chỉnh đường lối Không liên kết của J. Nehru.

Từ năm 1946, trước khi Ấn Độ được trao trả độc lập, trong các bài phát biểu của mình, J. Nehru đã đưa ra những nguyên tắc của chính sách đối ngoại và tuyên bố tư tưởng Không liên kết. Ông khẳng định Ấn Độ sẽ không tham gia bất cứ nhóm quân sự nào, không thụ động trong những vấn đề như chiến tranh và hoà bình, cố gắng hết sức mình vì sự nghiệp hoà bình, “Ấn Độ không thể chỉ là một kẻ “theo đóm ăn tàn” của bất cứ nước nào hoặc của bất cứ nhóm quốc gia nào” (4). Đó chính là tư tưởng “trung lập tích cực”.

Trong Diễn văn khai mạc Hội nghị về quan hệ các nước châu Á lần thứ nhất tại New Dehli (3-1947), với sự tham dự của 26 nước ở châu Á, ông khẳng định: “Lòng mong muốn của chúng ta là xúc tiến hoà bình và tiến bộ trên toàn thế giới... Đã kéo quá dài thời kỳ mà người châu Á chúng ta là kẻ đệ đơn thỉnh cầu tại các toà án và các văn phòng của phương Tây. Giờ đây, tình trạng đó phải thuộc về quá khứ. Chúng ta không muốn trở thành đồ chơi của kẻ khác”. Không liên kết “là không tham gia các khối quân sự, không chỉ tách khỏi chính sách đối ngoại của các nước thực dân

đã thống trị mình và các nước đế quốc khác, mà còn tích cực chống lại chính sách xâm lược của chúng” (5).

Hai năm sau ông lại khẳng định trong Hội nghị về quan hệ châu Á lần thứ hai tại New Dehli (1-1949) mục đích ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa, đòi Hà Lan phải chấm dứt xâm lược Indônêxia, nhấn mạnh sự cần thiết phải thành lập một tổ chức chính trị chung để thống nhất các nước châu Á mới giành được độc lập.

Nỗ lực cao và đóng góp quan trọng nhất vào việc hoàn chỉnh tư tưởng không liên kết và xúc tiến sự ra đời của phong trào không liên kết là những hoạt động của J. Nehru trong các năm 1954-1955.

Tháng 4 năm 1954, Thủ tướng J. Nehru đã cùng với Thủ tướng các nước Myanmar, Indonesia, Pakistan, Sri Lanka... họp tại Colombo để thảo luận những vấn đề quan tâm chung như chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chống chạy đua vũ trang, hợp tác quốc tế, đồng thời quyết định sẽ triệu tập một hội nghị các quốc gia độc lập Á - Phi vào năm 1955.

Từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1955, J. Nehru đã thực hiện một loạt các cuộc tiếp xúc ngoại giao quan trọng với Tổng thống Nasser của Ai Cập, Tổng thống Tito của Nam Tư, và Thủ tướng Chu Ân Lai của Trung Quốc. Đặc biệt trước ngày khai mạc Hội nghị Bandung, Ấn Độ và Trung Quốc đã ra thông cáo chung nêu lên 5 nguyên tắc chủ đạo của quan hệ giữa hai nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, về sau được gọi là 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. J. Nehru đề nghị gọi đó là 5 nguyên tắc “Pancha Sila” theo năm giáo lý cơ bản của Đạo Phật. 5 nguyên tắc này đã được đại biểu của 29 nước Á - Phi trong Hội nghị

Bandung họp vào tháng 4-1955 kế thừa làm cơ sở để đề ra 10 nguyên tắc Bandung.

Mười nguyên tắc Bandung khẳng định các nội dung cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, là nền tảng cho chính sách đối ngoại của các nước Á - Phi mới độc lập và cũng chính là cơ sở cho những nguyên tắc của Phong trào Không liên kết. Thành công của Hội nghị Bandung cũng chứng tỏ tư tưởng của J. Nehru về sự thống nhất, vượt qua những bất đồng giữa các nước có chế độ xã hội - chính trị khác nhau để hướng tới hoà bình thế giới, bảo vệ độc lập tự do cho các dân tộc, bình đẳng, hợp tác hai bên cùng có lợi giữa các dân tộc đã được thừa nhận rộng rãi.

Sau Hội nghị Bandung, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp. Mỹ đã giật dây để lập ra các khối quân sự do Mỹ lãnh đạo, phá hoại phong trào giải phóng dân tộc và Phong trào Không liên kết. Mặc dù vậy, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới vẫn đạt được những thắng lợi: Cuộc cách mạng ở Irắc thành công, một loạt nước ở châu Phi giành được độc lập, đặc biệt Ai Cập đã đánh thắng cuộc xâm lược của Anh, Pháp và Ixraen, quốc hữu hoá kênh đào Suez.

Bằng những hoạt động con thoi để thúc đẩy phong trào đoàn kết Á - Phi, tiến tới thành lập phong trào không liên kết, tại Hội nghị đoàn kết nhân dân Á - Phi được tổ chức ở Cairo (12-1957), J. Nehru đã cùng với các nước quyết định thành lập Tổ chức đoàn kết nhân dân Á - Phi (AAPSO). Tổ chức đã trở thành diễn đàn quan trọng để các phong trào giải phóng dân tộc tranh thủ sự đồng tình rộng rãi của quốc tế, đồng thời cũng là một tổ chức tích cực ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc về tinh thần và vật chất.

Tiếp theo cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng J. Nehru, Tổng thống Nasser và Tổng thống Tito ở đảo Brioni (Nam Tư), trong cuộc họp lần thứ XV Đại hội đồng Liên hiệp quốc (9-1960), J. Nehru tiếp tục gặp các nguyên thủ quốc gia của Ai Cập, Indônêxia, Nam Tư, Gana để đi đến thống nhất triệu tập một hội nghị của tất cả các nước Không liên kết Á - Phi - Mĩ Latinh.

Hội nghị trụ bị được tổ chức tại Cairo vào tháng 6 năm 1961 để chuẩn bị cho hội nghị cấp cao các nước không liên kết. J. Nehru cùng với các nguyên thủ quốc gia Ai Cập, Nam Tư, Indônêxia và Ápganixtan đứng ra mời các nước tham gia hội nghị, soạn thảo ra năm tiêu chuẩn thành viên của Phong trào không liên kết. Năm tiêu chuẩn này sau đó được Hội nghị Belgrade thông qua, vẫn có giá trị cho đến ngày nay.

Việc mời chính phủ lâm thời Angiêri đang lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã chứng tỏ ngay từ khi chưa chính thức ra đời, Phong trào Không liên kết đã coi việc ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận cấu thành của chính sách Không liên kết. Bằng hành động đó các nước không liên kết đã khởi xướng một chính sách mới về ủng hộ quốc tế đối với các phong trào giải phóng dân tộc: "Công nhận các chính phủ cách mạng lâm thời như là đại diện chân chính và hợp pháp của các dân tộc đang đấu tranh để thoát khỏi ách thống trị của đế quốc, thực dân và phân biệt chủng tộc" (6).

Nhờ chuẩn bị chu đáo, Hội nghị cấp cao các nước không liên kết lần thứ nhất được tổ chức vào tháng 9 năm 1961 tại Belgrade, với sự tham gia của 25 thành viên chính thức, 3 quan sát viên, 15 thành viên phong trào giải phóng dân tộc và 11 Đảng công nhân và xã hội châu Âu-Á-Phi-Mĩ Latinh

đã thu được kết quả, được coi là mốc đánh dấu Phong trào Không liên kết chính thức ra đời.

Hội nghị Belgrade đã đề cập một cách toàn diện các vấn đề mục tiêu, nguyên tắc, vị trí và vai trò của Phong trào Không liên kết. Thái độ của Phong trào Không liên kết rõ ràng và dứt khoát: "những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình là lối thoát duy nhất khỏi chiến tranh lạnh và khỏi thảm họa hạt nhân, muốn thủ tiêu một cách cơ bản nguồn gốc xung đột cần phải thủ tiêu chủ nghĩa thực dân dưới mọi biểu hiện của nó (7). Tính chất chống đế quốc, chống thực dân đã được xác định rõ. Các vấn đề giải trừ quân bị, xoá bỏ sự bất bình đẳng kinh tế do hậu quả của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc cũng đã được thảo luận và đi đến quyết định. Tham gia tổ chức Hội nghị và xây dựng chương trình nghị sự, J. Nehru đã có những đóng góp không nhỏ về lý luận của phong trào này. Theo J. Nehru, tiêu chuẩn cơ bản của một nước không liên kết là thực hiện chính sách độc lập trên những nguyên tắc chung sống hòa bình và không liên kết, luôn ủng hộ phong trào độc lập dân tộc, không tham gia liên minh quân sự. Ông cũng nhấn mạnh rằng, không liên kết không phải là trung lập một cách thụ động, mà cần phải có thái độ rõ ràng trong các vấn đề như chạy đua vũ trang, chính sách xâm lược của các nước đế quốc.

Như vậy từ khuynh hướng Không liên kết hình thành từ cuối những năm 40 ở một số nước châu Á mới giành được độc lập phát triển thành phong trào đoàn kết Á - Phi vào giữa những năm 50, sau đó mở rộng thành phong trào đoàn kết các nước Á - Phi - Mĩ Latinh - châu Âu đầu những năm 60 và đến Hội nghị Belgrade thì Phong trào Không liên kết chính thức ra đời.

J. Nehru đã có đóng góp không nhỏ về tư tưởng và tổ chức thực tiễn cho phong trào. Quá trình phát triển và hoàn thiện tư tưởng Không liên kết của J. Nehru "mang ý nghĩa một sự tiếp cận có tính nguyên tắc đối với những vấn đề có tầm vóc quốc tế". Bằng sự nhạy bén tình hình thực tiễn trong nước và trên thế giới, J. Nehru đã không ngừng hoàn thiện và phát triển tư tưởng Không liên kết của mình: "Thoạt tiên là phi thực dân hóa, tiêu diệt thuyết phân biệt chủng tộc và bảo vệ độc lập dân tộc trong một thế giới phân chia thành nhiều khối" (8), đến ủng hộ tích cực phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa, đấu tranh cho mối quan hệ mới, bình đẳng với các nước lớn, giải trừ quân bị, chống vũ khí hạt nhân, xác lập một trật tự kinh tế mới.

Tiếc rằng J. Nehru đã qua đời sớm (ông mất ngày 27-5-1964). Ông không thể đóng góp nhiều hơn nữa cho Phong trào Không liên kết. Indira Gandhi - con gái ông, ba lần làm Thủ tướng Ấn Độ (9) đã kế tục xuất sắc sự nghiệp của cha mình, tiếp tục đóng góp vào sự lớn mạnh của Phong trào Không liên kết.

Giai đoạn từ 1961-1984. Trong giai đoạn này, Phong trào Không liên kết đang ở vào thời kì khủng hoảng đường lối. Các nước đế quốc tiếp tục phá hoại công cuộc giải phóng dân tộc trên thế giới. Trong lúc đó các nhà lãnh đạo có vai trò và uy tín lớn của phong trào người thì qua đời, người thì bị lật đổ, người thì đang lo đối phó với những khó khăn ở trong nước. Tình hình trên đây là nguyên nhân làm cho phong trào khủng hoảng và tê liệt trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung và tích cực cho hoạt động của mình. Ngay trong Hội nghị cấp cao các nước Không liên kết lần thứ hai được tổ chức tại Cairo (10-1964), cũng đã

diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về mục tiêu của phong trào.

Một vấn đề nóng bỏng gây sự chú ý của thế giới trong giai đoạn này là cuộc chiến tranh Việt Nam. Trong lúc cả thế giới lên án Mĩ xâm lược miền Nam Việt Nam và leo thang đánh phá miền Bắc thì Nam Tư, Ấn Độ (lúc này còn do ông Shastri làm Thủ tướng) cùng một số nước khác kêu gọi Việt Nam và Mĩ thương lượng không điều kiện tiên quyết để tìm một giải pháp hoà bình mà không hề phân biệt kẻ xâm lược với nước bị xâm lược. Ấn Độ cũng tham gia liên danh 17 nước ra Lời kêu gọi đàm phán không điều kiện, và sau đó là việc 3 lần vận động tổ chức một hội nghị các nước không liên kết để bàn về vấn đề Việt Nam. Mặc dù được Mĩ nhiệt liệt ủng hộ, nhưng ý định trên đã bị thất bại vì nó đã đi ngược lại mục tiêu cơ bản của Phong trào Không liên kết là chống đế quốc, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

Năm 1966, sau khi Shastri qua đời, được sự tín nhiệm cao của nhân dân, Indira Gandhi lên làm Thủ tướng Ấn Độ. I. Gandhi tiếp tục kế thừa một cách xuất sắc tư tưởng của J. Nehru, nâng cao tính chiến đấu và phát triển đường lối không liên kết.

Tình hình thế giới hết sức phức tạp và căng thẳng, những tiêu chí và chuẩn mực quốc tế trong giai đoạn này đều được phân xét theo ý thức hệ. Các phe đều cố sức lôi kéo càng nhiều quốc gia về phía mình càng tốt. Ấn Độ là một nước lớn nên trở thành tâm điểm của sự lôi kéo đó.

I. Gandhi biết rõ điều đó, nhưng bà vẫn kiên trì theo đuổi đường lối Không liên kết mà cha mình đã vạch ra. Sức ép lên việc tiếp tục thực thi đường lối Không liên kết của I. Gandhi từ rất nhiều phía, không chỉ từ bên ngoài mà còn ngay ở trong nước. Nhiều nhà lãnh đạo Ấn Độ muốn xích lại

gần phương Tây để tranh thủ sự viện trợ kinh tế và bảo vệ quân sự. Nhưng I. Gandhi vẫn giữ vững đường lối đối ngoại nói chung và tư tưởng Không liên kết nói riêng không tách rời với truyền thống dân tộc và chính sách đối nội.

Đối với bà “sự mềm dẻo và tự do hành động không thể đi ngược lại danh dự và quyền lợi của đất nước”. I. Gandhi nói: “Một số người nói rằng chính sách không liên kết đã không phục vụ mục đích của chúng tôi, hoặc nó không thật thành công. Nhưng chúng tôi có thể có sự lựa chọn nào khác? Có hai khối mà người ta thường gọi là phương Đông và phương Tây. Nên chọn khối nào? Chúng tôi chọn giải pháp thứ ba là đứng ngoài hai phe. Tôi không cho rằng đó là một lập trường lý tưởng mà chỉ là con đường thực tế duy nhất mà một nước muốn giữ nền độc lập của mình phải đi theo” (10). Bà biết rằng, “các cường quốc không ưa chính sách không liên kết và phần lớn trong bọn họ mơ ước có khu vực ảnh hưởng riêng của mình”, nhưng với bà “khu vực ảnh hưởng duy nhất mà chúng tôi muốn thấy ngày một mở rộng là khu vực tương trợ và hữu nghị” (11).

Để kiên trì với đường lối Không liên kết, I. Gandhi đã phải thực thi một khối lượng công việc khổng lồ, tiến hành hàng trăm cuộc thăm viếng và tiếp xúc với các nguyên thủ quốc gia, tổ chức nhiều cuộc hội nghị để bàn thảo, thống nhất hành động.

Tháng 10-1966, bà chủ trì Hội nghị cấp cao tay ba các nước không liên kết họp ở New Dehli. Tại đây, các nhà lãnh đạo Nam Tư, Ai Cập và Ấn Độ đã ra lời kêu gọi khẳng định lại lập trường của mình là chống chủ nghĩa thực dân, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Tháng 8-1976, tham dự Hội nghị cấp cao các nước không liên kết họp ở Colombo với bản báo cáo “Tự

độc lập trên lý thuyết đến độc lập thật sự”, bà khẳng định: “Chúng tôi không phụ thuộc vào một nhóm nước hay một nước nào. Chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi khác rất tế nhị và khá nguy hiểm: chủ nghĩa thực dân chân chất, công khai và thành thật đã nhường bước cho chủ nghĩa thực dân mới, ngấm ngấm” (12). Bà đã thể hiện dứt khoát lập trường của mình: “Những lời đe dọa, những áp lực, những thủ đoạn ve vãn và những biện pháp cưỡng bức đều không tác động tí nào đến đường lối chính sách của chúng tôi, những hành động trả đũa duy nhất có thể tiến hành được là phổ biến ra bên ngoài một hình ảnh hoàn toàn sai trái về đất nước chúng tôi” (13). Bản báo cáo đã gây tiếng vang lớn. Lập trường kiên định của Ấn Độ mà bà là đại diện trong thời kì đứng đầu đất nước đã làm cho bè bạn thêm tin yêu, còn nhiều thế lực đen tối thì thù ghét.

Tháng 3-1983, Hội nghị Phong trào Không liên kết lần thứ VII được tổ chức tại New Dehli. Tại Hội nghị, I. Gandhi đã một lần nữa khẳng định một cách toàn diện chính sách ngoại giao không liên kết của Ấn Độ, kêu gọi các nước không liên kết tiếp tục thực hiện các nguyên tắc cơ bản của phong trào. Và cũng trong hội nghị này, I. Gandhi được bầu làm Chủ tịch Phong trào Không liên kết, một vị Chủ tịch đầy bản lĩnh và uy tín.

Cũng giống như cha mình, đường lối Không liên kết không chỉ được I. Gandhi thể hiện bằng lời nói mà đường lối đó còn được khẳng định bằng hành động cụ thể. Khi tình hình thế giới căng thẳng, Ấn Độ vẫn nhận trách nhiệm đăng cai các hội nghị của Phong trào Không liên kết, trước sự tức tối của các nước đế quốc. Ấn Độ luôn ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Anh, Pháp, Bồ Đào

Nha... trong những năm 60, 70. ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Palestin, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Đông Dương, từ chối những lời ve vãn hay gây áp lực của những nước lớn ngay cả khi cần sự giúp đỡ...

Trong lúc uy tín và khả năng đóng góp của bà cho phong trào đang còn rất sung sức thì năm 1984, bà đã bị các thế lực hèn hạ ám hại. Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị của mình, bà Indira Gandhi không những trung thành với lập trường Không liên kết của J. Nehru, mà còn phát huy tư tưởng đó bằng việc vận dụng linh hoạt trong những hoàn cảnh cụ thể, triển khai những tư tưởng một cách toàn diện, duy trì đường lối ngoại giao cân bằng giữa các nước lớn, xác lập mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và thân thiện với tất cả các nước, ủng hộ mạnh mẽ phong trào giải phóng

dân tộc, chống chạy đua vũ trang, đấu tranh cho giải trừ quân bị và bảo vệ hoà bình thế giới.

Tư tưởng Không liên kết của Ấn Độ từ Jawaharlal Nehru đến Indira Gandhi trải qua một quá trình phát triển lâu dài, nhất quán, vừa mang dấu ấn dân tộc, truyền thống ngoại giao của đất nước Ấn Độ, vừa in đậm nét bản lĩnh của hai nhà lãnh đạo, vừa phù hợp với đặc điểm, xu thế của thời đại. J. Nehru là người đặt nền móng, hoàn thiện và biến tư tưởng Không liên kết thành hiện thực - sự ra đời của Phong trào Không liên kết. I. Gandhi là người kế tục trung thành và sáng tạo đường lối của J. Nehru trong bối cảnh của thời kì lịch sử mới, làm cho Ấn Độ, bằng đường lối không liên kết của mình, ngày càng nâng cao uy tín và vai trò trên trường quốc tế.

CHÚ THÍCH

(1). *Một thoáng Ấn Độ*. Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội và Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại Tp. Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2000, tr. 25.

(2). Nehru J. *Phát hiện Ấn Độ*. Tập 3. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 17.

(3), (4). Nehru J. *Phát hiện Ấn Độ*. Sdd, tr. 18, 16.

(5). Dẫn theo Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Nxb. Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 25.

(6). Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Sdd, tr. 40.

(7). Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Sdd, tr. 40, 45.

(8). *Một thoáng Ấn Độ*. Sdd, tr. 24.

(9). Lần thứ nhất từ năm 1966-1971, lần thứ hai từ năm 1971-1977, lần thứ ba từ năm 1980-1984.

(10), (11). Gandhi I. *Chân lí của tôi*. Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1987, tr. 164, 176.

(12), (13). Gandhi I. *Chân lí của tôi*. Sdd, tr. 163, 172.

Nha... trong những năm 60, 70. ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Palestin, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Đông Dương, từ chối những lời ve vãn hay gây áp lực của những nước lớn ngay cả khi cần sự giúp đỡ...

Trong lúc uy tín và khả năng đóng góp của bà cho phong trào đang còn rất sung sức thì năm 1984, bà đã bị các thế lực hèn hạ ám hại. Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị của mình, bà Indira Gandhi không những trung thành với lập trường Không liên kết của J. Nehru, mà còn phát huy tư tưởng đó bằng việc vận dụng linh hoạt trong những hoàn cảnh cụ thể, triển khai những tư tưởng một cách toàn diện, duy trì đường lối ngoại giao cân bằng giữa các nước lớn, xác lập mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và thân thiện với tất cả các nước, ủng hộ mạnh mẽ phong trào giải phóng

dân tộc, chống chạy đua vũ trang, đấu tranh cho giải trừ quân bị và bảo vệ hoà bình thế giới.

Tư tưởng Không liên kết của Ấn Độ từ Jawaharlal Nehru đến Indira Gandhi trải qua một quá trình phát triển lâu dài, nhất quán, vừa mang dấu ấn dân tộc, truyền thống ngoại giao của đất nước Ấn Độ, vừa in đậm nét bản lĩnh của hai nhà lãnh đạo, vừa phù hợp với đặc điểm, xu thế của thời đại. J. Nehru là người đặt nền móng, hoàn thiện và biến tư tưởng Không liên kết thành hiện thực - sự ra đời của Phong trào Không liên kết. I. Gandhi là người kế tục trung thành và sáng tạo đường lối của J. Nehru trong bối cảnh của thời kì lịch sử mới, làm cho Ấn Độ, bằng đường lối không liên kết của mình, ngày càng nâng cao uy tín và vai trò trên trường quốc tế.

CHÚ THÍCH

(1). *Một thoáng Ấn Độ*. Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội và Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại Tp. Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2000, tr. 25.

(2). Nehru J. *Phát hiện Ấn Độ*. Tập 3. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 17.

(3), (4). Nehru J. *Phát hiện Ấn Độ*. Sdd, tr. 18, 16.

(5). Dẫn theo Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Nxb. Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 25.

(6). Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Sdd, tr. 40.

(7). Vũ Anh Tuấn. *Phong trào không liên kết*. Sdd, tr. 40, 45.

(8). *Một thoáng Ấn Độ*. Sdd, tr. 24.

(9). Lần thứ nhất từ năm 1966-1971, lần thứ hai từ năm 1971-1977, lần thứ ba từ năm 1980-1984.

(10), (11). Gandhi I. *Chân lí của tôi*. Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1987, tr. 164, 176.

(12), (13). Gandhi I. *Chân lí của tôi*. Sdd, tr. 163, 172.